TOÀ ÁN NHÂN DÂNQUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/KDTM - ST
Ngày: 17/4/2024.
V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Bạch Phượng;
Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai, bà Nguyễn Thị Cờ.
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Phương Ly - Cán bộ Toà án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đống Đa - thành phố Hà Nội, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 60/2023/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2023, *về việc*: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST -KDTM ngày 23/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-KDTM ngày 19/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐST-KDTM ngày 18/3/2024 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại L; Trụ sở: Tổ x, phường H, thành phố H, tỉnh H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Đức B – Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đình H, ông Trương Đình T (Hợp đồng ủy quyền số 20/2023/HĐUQ-LB-THAIMINH ngày 15/11/2023). Ông T có mặt

Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng dân dụng và thương mại T; Trụ sở: Số nhà x, ngách y, phố Đ, phường K, quận Đ, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc S – Giám đốc Công ty; Địa chỉ cư trú: V, phường P, quận L, thành phố H. Ông S vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại L do người đại diện theo ủy quyền trình bày*: Ngày 27/11/2020, Công ty TNHH xây dựng dân dụng và thương mại T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại L (gọi tắt là Công ty L) đã cùng nhau ký kết hợp đồng mua bán số 62.2020/LB-TM, về việc: Mua bán bê tông thương phẩm cung cấp cho công trình là khu tổ hợp Khách sạn thông minh và Trung tâm thương mại dịch vụ tại địa chỉ: Số x đường L, phường H, thành phố H, tỉnh H.

Theo quy định tại Điều 1 của hợp đồng, Công ty L sẽ bán cho công ty T các sản phẩm bê tông sau:

STT	Sản phẩm bê tông thương phẩm	Độ sụt	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	Mẫu
I.	**ĐỐI VỚI CÁT THÔ**				
1	Bê tông thương phẩm Mác 100#, đá 1x2, R28	10±2	M^3	650.000	15x15x15
2	Bê tông thương phẩm Mác 200#, đá 1x2, R28	12±2	M^3	720.000	15x15x15
3	Bê tông thương phẩm Mác 250#, đá 1x2, R28	12±2	M^3	750.000	15x15x15
4	Bê tông thương phẩm Mác 250#, đá 1x2, R28	14±2	M^3	770.000	15x15x15
5	Bê tông thương phẩm Mác 300#, đá 1x2,R28	12±2	M^3	760.000	15x15x15
II.	**ĐỐI VỚI CÁT VÀNG**				
1.	Bê tông thương phẩm Mác 100#, đá 1x2, R28	10±2	M^3	780.000	15x15x15
2.	Bê tông thương phẩm Mác 200#, đá 1x2, R28	12±2	M^3	850.000	15x15x15
3.	Bê tông thương phẩm Mác 250#, đá 1x2, R28	12±2	M^3	880.000	15x15x15
4.	Bê tông thương phẩm Mác 250#, đá 1x2, R28	14±2	M^3	900.000	15x15x15
5.	Bê tông thương phẩm Mác 300#, đá 1x2, R28	12±2	M^3	890.000	15x15x15
6.	Bê tông thương phẩm Mác 350#, đá 1x2, R28	12±2	M^3	900.000	15x15x15
7.	Bê tông thương phẩm Mác 400#, đá 1x2, R28	14±2	M^3	1.010.000	15x15x15
8.	Bê tông thương phẩm Mác 400#, đá 1x2, R28	16±2	M^3	1.030.000	15x15x15
9.	Bê tông thương phẩm Mác 450#, đá 1x2, R28	14±2	M^3	1.100.000	15x15x15
10.	Bê tông thương phẩm Mác 450#, đá 1x2, R28	16±2	M^3	1.180.000	15x15x15
11.	Bê tông thương phẩm Mác 500#, đá 1x2, R28	16±2	M^3	1.320.000	15x15x15
III.	**BÊ TÔNG CHỐNG THẤM**				
1.	Bê tông thương phẩm Mác 400#, đá 1x2, cát vàng, cấp chống thấm B10, R28	14±2	M^3	1.070.000	Mẫu trụ 15x15
2.	Bê tông thương phẩm Mác 400#,	14±2	M^3	1.120.000	Mẫu trụ

	đá 1x2, cát vàng, cấp chống thấm B10, R7				15x15
IV.	**PHẦN BƠM BÊ TÔNG**				
1.	Giá bơm 37m bê tông <35m^3		Ca	2.000.000	
2.	Giá bơm bê tông tính từ khối 36 trở đi		M^3	60.000	
3.	Di chuyển bơm cần trong phạm vi công trình		Lần	500.000	
4.	Giá bơm tĩnh từ tầng 1 đến tầng 4 khối lượng <60m^3 sàn		Ca	5.000.000	
5.	Giá bơm tĩnh từ tầng 5 trở lên khối lượng <60m^3 sàn, lũy kế ca bơm mỗi tầng cộng thêm		Ca	500.000	
6.	Giá bơm tĩnh từ tầng 1 đến tầng 4 khối lượng >60m^3 sàn		M^3	66.000	
7.	Giá bơm tĩnh từ tầng 5 trở lên khối lượng > 60m^3 sàn, lũy kế mỗi tầng cộng thêm		M^3	6.000	
8.	Di chuyển bơm tĩnh trong phạm vi công trình		Lần	2.500.000	

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển đến chân công trình.

- Trường hợp bơm đến công trường phải chờ từ 3-4 giờ (≤6) giờ hoặc bơm đến công trường, lắp đặt xong hoãn do lỗi bên mua thì bên mua phải thanh toán 1.500.000 đ/ca chờ đối với bơm cần và 3.000.000 đ/ca chờ đối với bơm tĩnh.

** Mỗi độ sụt ±2cm sẽ tăng giảm 20.000 đ/m^3*

** Đối với phụ gia R7: +50.000đ/m^3.*

Ngày 27/04/2021, hai bên đã thống nhất ký thêm phụ lục hợp đồng, bổ sung tại điều 1 của hợp đồng số 62.2020/LB-TM về việc mua bán bê tông thương phẩm với nội dung:

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Ghi chú
1.	Bê tông Mac vữa 100	M^3	720.000	
2.	Bơm 56m bơm sàn < 80m^3	Ca	7.700.000	
3.	Bơm 56m bơm sàn > 80m^3 (từ khối 81 trở đi)	M^3	77.000	
4.	Bơm 56m, vách, cột, cầu thang < 35m^3	Ca	8.800.000	
5.	Bơm 56m, vách, cột, cầu thang > 36m^3 (từ khối 61 trở đi)	M^3	88.000	

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT;

- Đối với ca bơm sàn thời gian đổ bơm < 04 tiếng, quá 04 tiếng mỗi tiếng

tính thêm + 1.000.000 đ/tiếng.

Ngày 25/08/2021, hai bên đã thống nhất ký thêm phụ lục hợp đồng, bổ sung tại Điều 1 của hợp đồng số 62.2020/LB-TM ,về việc: Mua bán bê tông thương phẩm với nội dung:

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Ghi chú
1	Bê tông Mac vữa 75	M^3	690.000	

Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT 10% và cước vận chuyển đến chân công trình.

Hai bên Công ty cũng thống nhất tại Điều 4 của hợp đồng về thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán: Hàng tháng, Bên B xuất hóa đơn giá trị gia tăng, bên A có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị hóa đơn cho bên B trong vòng 30 ngày. Việc thanh toán được thực hiện thông qua tiền mặt hoặc chuyển khoản. Trường hợp quá hạn thanh toán theo thỏa thuận sau 30 ngày, bên A phải chịu 150% lãi suất cho vay quá hạn của ngân hàng Agribank hiện hành.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L đã bán cho Công ty T tổng giá trị hàng hóa là **4.140.382.500 đồng** *(bốn tỷ một trăm bốn mươi triệu ba trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng)*, nhưng Công ty T mới chỉ thanh toán cho Công ty L số tiền **3.891.699.500 đồng** *(ba tỷ tám trăm chín mươi mốt triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng)*. Số tiền còn lại Công ty T chưa thanh toán cho Công ty L là **248.713.000 đồng** *(hai trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng).*

Với số tiền nợ trên, Công ty L đã rất nhiều lần thông báo đề nghị Công ty T thanh toán dứt điểm nhưng Công ty T vẫn tiếp tục trì hoãn việc trả nợ với nhiều lý do không chính đáng. Việc chậm trễ trả nợ của Công ty T đã gây ra nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh của Công ty L về nguồn vốn tái đầu tư.Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình Công ty L đã khởi kiện Công ty T với số nợ quá hạn là **248.713.000 đồng.**

Về yêu cầu tính lãi: Thời điểm tính lãi sau 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn cuối cùng ngày 30/10/2021 mà Công ty T không thanh toán/trên số dư nợ gốc của tất cả hóa đơn. Số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 19/02/2024 là **50.364.383 đồng**. (Căn cứ tính lãi theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 306 Luật thương mại và Quyết định 2868 quyết định về mức lãi suất cơ bản…).

Nay Công ty L đề nghị Tòa án nhân dân quận Đ giải quyết, cụ thể:

- Buộc Công ty TNHH xây dựng dân dụng và thương mại T phải thanh toán

toàn bộ số nợ gốc còn lại là: 248.713.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH xây dựng dân dụng và thương mại T phải chịu lãi chậm trả cho các hóa đơn chưa thanh toán tính đến ngày 19/02/2024 số tiền là 50.364.383 đồng.

Tổng số tiền Công ty T phải thanh toán trả cho Công ty L số tiền 299.077.383 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt cho nguyên đơn Công ty L và bị đơn Công ty T các văn bản tố tụng để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Tòa. Song người đại diện theo pháp luật của bị đơn đều vắng mặt nên không có quan điểm tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả tiền lãi/số dư nợ gốc. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 248.713.000 đồng *(hai trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng).*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đều đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất. Buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc chưa thanh toán là: 248.713.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng :

- Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại (mua bán hàng hóa), Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH xây dựng dân dụng và thương mại T có trụ sở tại phường K, quận Đ, thành phố H. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Đ.

Bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi/dư nợ gốc chưa thanh toán. Xét yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận và cần đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

Về yêu cầu khởi kiện: Xác định ngày 27/11/2020, Công ty TNHH xây dựng dân dụng và thương mại T và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại L đã cùng nhau ký kết hợp đồng mua bán số 62.2020/LB-TM, phụ lục hợp đồng số 20.03/2020/LB-TM, phụ lục hợp đồng số 79.01/2020/LB-TM ngày 25/8/2021, về việc: Mua bán bê tông thương phẩm cung cấp cho công trình là khu tổ hợp Khách sạn thông minh và Trung tâm thương mại dịch vụ tại địa chỉ: Số x đường L, phường H, thành phố H, tỉnh H.

Sau khi ký kết hợp đồng hai bên cùng thực hiện hợp đồng, Công ty L đã cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty T. Căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng, Phiếu báo có chuyển khoản và Biên bản đối chiếu công nợ xác định: Công ty L đã cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty T với tổng số tiền 4.140.382.500 đồng *(bốn tỷ một trăm bốn mươi triệu ba trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng)*. Công ty T đã thanh toán cho Công ty L tổng số tiền 3.891.699.500 đồng *(ba tỷ tám trăm chín mươi mốt triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng)*. Số tiền còn lại Công ty T chưa thanh toán cho Công ty L là 248.713.000 đồng *(hai trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng)*.

Như vậy, cần phải xác định Công ty T còn nợ Công ty L số tiền 248.713.000 đồng và buộc Công ty T phải trả số tiền này cho Công ty L.

Ngoài yêu cầu đòi tiền nợ chưa thanh toán, nguyên đơn Công ty L không có yêu cầu nào khác đối với Công ty T nên không xem xét.

Về án phí: Bị đơn Công ty T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Công ty L.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 50, 55 Luật thương mại;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại L đối với Công ty TNHH xây dựng dân dụng và thương mại T về việc, đòi số tiền còn nợ chưa thanh toán phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH xây dựng dân dụng và thương mại T phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại L tổng số tiền nợ gốc là

248.713.000 đồng *(hai trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng).*

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất/dư nợ gốc của nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại L đối với Công ty TNHH xây dựng dân dụng và thương mại T.

Bị đơn Công ty TNHH xây dựng dân dụng và thương mại T phải nộp 12.435.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại L số tiền 6.995.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án quận Đ theo biên lai số 0072059 ngày 15/6/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể tù ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Tm. Héi ®ång xÐt xö s¬ thÈm
ThÈm ph¸n - Chñ to¹ phiªn toµ

N¬i nhËn :

- TAND thµnh phè H;
- VKSND quËn Đ;
- Chi cục THA quËn Đ;
- C¸c ®-¬ng sù.
- L-u HS, VP.

Dương Thị Bạch Phượng